



Số 26.00648
26.571/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

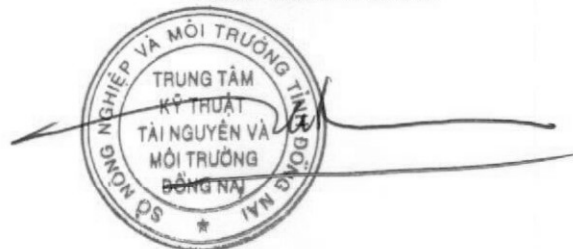
16/4/2026
Trang 1/4

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu vào trước xử lý
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT1
- Ngày lấy mẫu : 30/3/2026
- Ngày nhận mẫu : 30/3/2026
- Thời gian thử nghiệm : 30/3/2026 - 16/4/2026
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/4

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080



Số 26.00648
26.571/IDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/4/2026
Trang 2/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _F =0,9; K _F =1,0
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	SMEWW 2550 B:2023	29,4	40
2	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	5,62	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾⁽²⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	32	50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	8	27
5	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	31	68
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	14	45
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	1,50	4,50
8	Tổng nitơ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	35,2	18,0
9	Tổng phốt pho ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	3,56	3,60
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,50	4,50
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	72,8	450
12	Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,9
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,063
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,18
15	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,090
16	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,50
17	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,090
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
21	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
22	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,80
23	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,095	2,70
24	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,083	0,18
25	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,094	0,45
26	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	1,53	0,90
27	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,22	0,18

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
 2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
 3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 26.00648

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/4/2026

26.571/IDV

Trang 3/4



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A Kq=09; Kf=1,0
28	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		270
	Diazinon ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Parathion ethyl (Parathion) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Parathion methyl ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Phorate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Sulfotep ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Thionazin ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	O,O,O-Triethyl phosphorothioate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
29	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		45,0
	α-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	β-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	γ-HCH (Lindan) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	δ-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	Aldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Cis-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Trans-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDD ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDE ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDT ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Dieldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan I ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan II ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan sulfat ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin aldehyt ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin ketone ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Heptaclo epoxit ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Heptaclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Metoxyclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 26.00648

26.521/HĐV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/4/2026

Trang 4/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _f =0,9; K _f =1,0
30	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221 B:2023	7,9x10 ²	3.000
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	Bq/L	SMEWW 7110 B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	Bq/L		0,55	1,0
33	Tổng PCBs ^(*)	mg/L	USEPA Method 3510C & USEPA Method 3630C & USEPA Method 8270E		0,0027
	+ PCB-18	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-28	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-31	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-44	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-52	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-101	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-118	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-138	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-149	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-153	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-170	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-180	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-194	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-209	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

KPH : Không phát hiện

LOD : Giới hạn phát hiện

(*) : Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326B035207 (MITN26004961.01) (MT.2026.01918/1), ngày 10/4/2026

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 26.00648
26.571/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

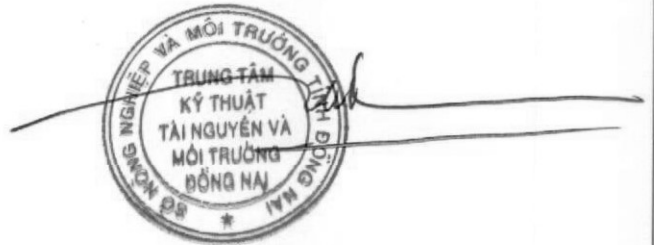
16/4/2026
Trang 1/4

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu ra sau khi xử lý
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT2
- Ngày lấy mẫu : 30/3/2026
- Ngày nhận mẫu : 30/3/2026
- Thời gian thử nghiệm : 30/3/2026 - 16/4/2026
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/4

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 26.00648

26.5712DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/4/2026

Trang 2/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _F =0,9; K _F =1,0
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	SMEWW 2550 B:2023	29,6	40
2	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	7,41	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾⁽²⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	17	50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	3	27
5	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	8	68
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	<4	45
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,054	4,50
8	Tổng nitơ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	9,37	18,0
9	Tổng photpho ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	0,38	3,60
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,16	4,50
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	48,9	450
12	Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,90
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,063
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,18
15	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,090
16	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,50
17	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,090
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
21	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
22	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,80
23	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,095	2,70
24	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,18
25	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	0,45
26	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,12	0,90
27	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,017	0,18

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

BM-BCKQ/02

SD15 (01/07/25)



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 26.00648
 26.571/2020



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/4/2026
 Trang 3/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _F =0,9; K _F =1,0
28	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		270
	Diazinon ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Parathion ethyl (Parathion) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Parathion methyl ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Phorate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Sulfotep ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	Thionazin ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
	O,O,O-Triethyl phosphorothioate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2	
29	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		45,0
	α-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	β-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	γ-HCH (Lindan) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	δ-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02	
	Aldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Cis-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Trans-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDD ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDE ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	4,4'-DDT ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Dieldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan I ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan II ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endosulfan sulfat ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin aldehyt ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Endrin ketone ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Heptaclo epoxit ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Heptaclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	
	Metoxyclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1	

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518-520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 – Fax: 0251 3894080

Số 26.00648
26.571/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/4/2026
Trang 4/4



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _f =0,9; K _f =1,0
30	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221 B:2023	4,9x10 ²	3.000
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	Bq/L	SMEWW 7110 B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	Bq/L		0,33	1,0
33	Tổng PCBs ^(*)	mg/L	USEPA Method 3510C & USEPA Method 3630C & USEPA Method 8270E		0,0027
	+ PCB-18	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-28	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-31	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-44	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-52	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-101	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-118	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-138	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-149	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-153	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-170	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-180	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-194	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	
	+ PCB-209	mg/L		KPH (LOD=0,00005)	

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận VIMcerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326B035207 (MITN26004961.02) (MT.2026.01918/2), ngày 10/4/2026

KPH : Không phát hiện
LOD : Giới hạn phát hiện

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng